

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự

Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yên Nhi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà V và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn năm 1984 nhưng đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không còn quan tâm gia đình, không lo xây dựng gia đình và kinh tế gia đình, thường xuyên gây nộ. Từ đó làm cho đời sống chung của gia đình không hạnh phúc dù bà V nhiều lần hàn gắn hôn nhân nhưng không thành.

Do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị V xin ly hôn với ông Trần Văn H; Về con chung, trong thời kì hôn nhân với ông H có được hai con chung gồm Trần Văn N, sinh năm 1985 và Trần Thanh N1, sinh năm 1994 hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản thống nhất với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị V nhưng ông có ý kiến về quan hệ hôn nhân không thống nhất ly hôn vì muốn hàn gắn hôn nhân với bà V; Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 1984 nhưng chưa thực hiện đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội, trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung. Mặc dù các bên chưa thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nhưng vẫn được xem là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là vợ chồng. Để động viên bà V và ông H hàn gắn hôn nhân Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bà V xác định không còn tình cảm với ông H và tại phiên tòa bà xác định không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bên cạnh đó, ông H cho rằng muốn hàn gắn hôn nhân với bà V nhưng không đưa ra được biện pháp. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên mới xây dựng được gia đình hạnh phúc nếu một trong hai bên không muốn duy trì hôn nhân thì hôn nhân giữa các bên không thể đạt được và cả hai xác định đã ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn ông Trần Văn H mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn H được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà V và ông H xác định trong thời kì hôn nhân có với nhau hai người con chung nhưng nay đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Các điều 91 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000

Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình 2000.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006520 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu